

Bản án số: **42/2022/DS-PT**

Ngày: 01-3-2022

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**
Ông **Nguyễn Cường**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 324/TBTL-TA ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 949/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị P.

Cư trú tại: huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị A.

Cư trú tại: huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Bà Nguyễn Thị P.

Cư trú tại: huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T.

Cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N.

Cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

+ Bà Võ Thị Thanh L.

Cư trú tại: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc A.

Cư trú tại: Số 01 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn L.

Cư trú tại: Số 01A đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt

+ Ông Nguyễn Văn A.

Cư trú tại: xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ L.

+ Ông Nguyễn Văn H.

+ Ông Nguyễn Văn C.

Cùng cư trú tại: tỉnh Đắk Lắk. Đều vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình T – Chủ tịch. Vắng mặt.

+ Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – Chi nhánh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Giám đốc. Vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã P, huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn D – Chủ tịch. Vắng mặt.

+ Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn V.

Địa chỉ: huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V – Trưởng Văn phòng.
Vắng mặt.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh
L

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Cha bà là cụ Nguyễn Văn Đ (chết năm 1990), mẹ là cụ Trần Thị Minh T (chết năm 2003) không để lại di chúc. Cha mẹ bà có 03 người con chung là Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị A, Cha mẹ bà có tạo lập 01 ngôi nhà có diện tích 68m² trên diện tích đất ở 238,5m², tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện T. Năm 2008, em gái bà là bà Nguyễn Thị A tự ý làm thủ tục để được cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất cha mẹ tạo lập. Năm 2011, bà có xây dựng nhà cấp 4 trên đất để làm quán cho con gái ruột của bà là Võ Thị Thanh L làm nghề tóc. Trong thời gian bà khởi kiện thì ngày 13/7/2018, bà A lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất đang tranh chấp cho bà L vào ngày 09/7/2018. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định - Chi nhánh huyện T đã chỉnh lý sang tên bà L toàn bộ quyền sử dụng thửa đất. Trước đây bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ bà là nhà đất nêu trên và đất ruộng, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02479 ngày 20/6/2011 do UBND huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị A và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/7/2018 giữa bà A với bà L cùng với việc chỉnh lý biên động sang tên bà L, nhưng nay bà xin rút lại yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc chỉnh lý biên động sang tên quyền sử dụng đất cho bà L và yêu cầu chia đất ruộng mà chỉ yêu cầu chia thừa kế nhà, đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 22, diện tích 238,5m² (trong đó 200m² đất ở, 38,5m² đất vườn) tại thôn L, xã P của cha mẹ để lại, cụ thể bà xin được nhận 59,6m² đất ở và phần vật liệu xây dựng trên diện tích đất này (vì phần xây dựng do tiền của bà bỏ ra), theo sơ đồ mà Công ty cổ phần tư vấn Đạt P đo vẽ ngày 15/4/2021. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của bà P, cha mẹ có 03 người con chung nhưng ngoài mẹ bà thì cha bà còn có 02 người vợ khác. Cha với vợ thứ hai là bà C có 05 người con chung hiện đang sống tại thành phố Q và huyện T; cha bà với người vợ thứ ba là bà Tôn có 04 người con chung hiện đang sống ở tỉnh Đắk Lắk. Khi còn sống, cha mẹ được ông bà nội để lại 01 thửa đất diện tích 238,5m², tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện T, mẹ bà có xây dựng nhà cấp 4 từ năm 1977, do nhà hư hỏng nên bà đã sửa chữa lại. Năm 2011, ba chị em góp tiền xây quán phía trước cho cháu L (con bà P được bà A nuôi từ nhỏ) làm nghề tóc. Sau đó, bà ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho cháu L và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã chỉnh lý sang tên cho cháu L. Nay bà P khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ thì bà không đồng ý, vì đất này đã cấp sổ cho bà và bà đã chuyển nhượng cho cháu L. Nếu Tòa chia di sản thừa kế của cha mẹ thì bà yêu cầu được tính công sức đóng góp bảo quản, giữ gìn di sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà thống nhất như lời khai của bà P, bà A về mối quan hệ gia đình. Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của ông bà nội bà để lại cho cha mẹ bà. Năm 1993, mẹ bà đứng tên đăng ký kê khai đối với thửa đất này, khi cha mẹ chết không để lại di chúc. Sau đó bà, bà P có gia đình ở riêng, chỉ có bà A ở với mẹ đến khi mẹ chết. Năm 2005, ba chị em thống nhất cho bà A sử dụng toàn bộ nhà đất để bà A làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2011, ba chị em góp tiền xây dựng nhà quán cho cháu L làm nghề tóc. Nay bà P khởi kiện yêu cầu chia nhà đất thì bà không đồng ý, vì 03 chị em trước đây đã thống nhất cho bà A toàn quyền quản lý, sử dụng để bà A thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, cúng giỗ ông bà, cha mẹ. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P thì bà yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh L trình bày:

Bà là con ruột của bà P nhưng đã ở với bà A từ khi còn nhỏ cho đến nay tại nhà đất hiện đang tranh chấp. Năm 2011, mẹ và hai di là bà A và bà P góp 20.000.000 đồng để xây quán cho bà làm nghề tóc. Năm 2017, bà xây thêm căn nhà nhỏ phía sau chiều dài 10m, ngang 5m và lợp tôn với giá trị 35.000.000 đồng. Ngày 03/7/2018, di A lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị với giá 10.000.000 đồng. Nay bà P khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì bà không đồng ý. Nếu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa bà A với bà thì bà không yêu cầu bà A trả lại số tiền đã nhận chuyển nhượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ngọc A, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn L trình bày:

Các ông bà là con của cụ Đ với vợ thứ hai là cụ Đinh Thị C (chết 1971). Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông bà nội để lại cho cha các ông bà, cha sống nhiều nơi nên phần đất này do vợ thứ nhất là cụ T quản lý sử dụng. Sau khi cụ T chết, bà P, bà P có chồng ở riêng nên bà A quản lý sử dụng nhà đất. Quá trình kê khai sử dụng đất như thế nào các ông bà không biết, nay bà P khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì các ông bà không nhận ký phần nếu được chia thì giao cho bà P, bà A, bà P tự giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Các ông bà là con của cụ Đ với người vợ thứ ba là cụ Nguyễn Thị Tôn (chết năm 2011). Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông bà nội để lại cho cha các ông bà, cha sống nhiều nơi nên phần đất này do vợ thứ nhất là cụ T quản lý sử dụng. Sau khi cụ T chết, bà P, bà P có chồng ở riêng nên bà A quản lý sử dụng nhà đất. Quá trình kê khai sử dụng đất như thế nào các ông bà không biết, nay bà P khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì các ông bà không nhận ký phần được chia mà giao cho bà P, bà A, bà P tự giải quyết.

Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T - Ông Nguyễn Đình Thuận trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 22, diện tích 238,5m² (trong đó 200m² đất ở, 38,5 m² đất vườn) tại thôn L, xã P có nguồn gốc do cha mẹ bà P, bà P, bà A tạo lập trước năm 1975. Hồ sơ địa chính năm 1993 thể hiện cụ T kê khai sử dụng thửa đất số 671, tờ bản đồ số 02, diện tích 176m². Cụ T chết năm 2003, bà A tiếp tục sử dụng đất và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02010 ngày 12/12/2018, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02479 ngày 20/6/2011, thành thửa số 46, tờ bản đồ số 22, diện tích 238,5m² (trong đó đất ở nông thôn 200m² và 38,5m² đất trồng cây hàng năm khác). Hồ sơ địa chính năm 1993 thể hiện tại sổ mục kê số 01, trang 22, thửa đất số 671, tờ bản đồ số 05, diện tích 176m² đất ở đăng ký chủ sử dụng đất là cụ T. Hồ sơ địa chính năm 2013, tại sổ mục kê số 3, trang 187, thửa đất số 46, tờ bản đồ số 22, diện tích 238,5m² trong đó đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm khác 38,5m² đăng ký chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị A và được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap.

Về quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Năm 2009, UBND huyện triển khai dự án Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai (gọi tắt là Dự án Vlap) về đo đạc, xác lập hồ sơ địa chính và lồng ghép cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 23/10/2010, bà Nguyễn Thị A có đơn xin kê khai xin đăng ký quyền sử dụng đất và được Hội đồng hợp xét của UBND huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số sê ri BG 006453 (số vào sổ CH02479) ngày 20/6/2011 tại thửa số 46, tờ bản đồ số 22, diện tích 200m² đất ONT, tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện T. UBND huyện cho rằng quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định tại điều 50 Luật đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 140 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 19/10/2004 của Chính Phủ.

Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T - Ông Lê Văn Q trình bày:

Ngày 03/7/2018, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T tiếp nhận hồ sơ xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 46, tờ bản đồ số 22 từ bà A sang cho bà L theo hợp đồng chuyển nhượng số 895 được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn V công chứng ngày 03/7/2018. Sau khi các bên xuất trình biên lai nộp đủ thuế thì Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T chỉnh lý thay đổi sang tên chủ sử dụng là bà L ngày 09/7/2018. Như vậy, chi nhánh cho rằng việc chỉnh lý biến động sang tên bà L là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã P, huyện T - Ông Nguyễn Lương B trình bày:

Theo sổ mục kê năm 1993, sổ địa chính mà UBND xã P đang lưu trữ thì thửa đất số 671, tờ bản đồ số 02, diện tích 176m², loại đất nông thôn đứng tên cụ Trần Thị Minh T (mẹ ruột bà A). Ngày 13/12/2007, Hội đồng đăng ký đất đai xã P tiến hành họp xét duyệt đơn đăng ký quyền sử dụng đất ở, trong đó có đơn của bà A có nguồn gốc là đất ở có nhà do cha mẹ xây dựng trước năm 1975 (chết) để lại cho con năm 1996, diện tích thêm 62m² do xác định ranh giới với ông Nguyễn Đức T. Năm 2008, bà A được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2011 bà A được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tại thửa số 46, tờ bản đồ số 22, diện tích 238,5m². Nay bà P khởi kiện thì đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng pháp luật.

Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Nguyễn Văn V — Ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ngày 03/7/2018, Văn phòng tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà A với bà L; Văn phòng công chứng đã thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 38, khoản 2 Điều 71, các Điều 147, 157, 165, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 612, 613, 618, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 100 Luật đất đai 2013; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội;

T xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02479 ngày 20/6/2011 do UBND huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị A, yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/7/2018 giữa bà Nguyễn Thị A với bà Võ Thị Thanh L cùng với việc chỉnh lý biến động sang tên cho bà L và yêu cầu chia đất ruộng của bà Nguyễn Thị P.

3. Chia di sản cho các đồng thừa kế như sau:

3.1 Bà Nguyễn Thị P được quyền sử dụng 59,6m² đất ở thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 22, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 006453, sổ vào sổ cấp GCN CH02479 ngày 20/6/2011, tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định có vị trí: Phần B của thửa đất, có giới cận: Từ điểm 1 thẳng đến điểm 2 có kích thước 4,33m; từ điểm 2 thẳng đến điểm 3 có kích thước 5,42m; từ điểm 3 thẳng đến điểm 4 có kích thước 1,75m; từ điểm 4 thẳng đến điểm 5 có kích thước 5,32m; từ điểm 5 thẳng đến điểm 6 có kích thước 5,03m; từ điểm 6 thẳng đến điểm 7 có kích thước 5,32m; từ điểm 7 thẳng đến điểm 8 có kích thước 0,28m; từ điểm 8 thẳng đến điểm 1 có kích thước 7,88m, được sở hữu phần vật liệu xây dựng trong phạm vi giới cận nói trên, trừ vách tường phía tây phần đất, có vị trí: Từ điểm 1 thẳng đến điểm 8; từ điểm 8 thẳng đến điểm 7; từ điểm 7 thẳng đến điểm 6 theo sơ đồ bản vẽ ngày 15/4/2021 của Công ty cổ phần tư vấn Đạt P (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) và bà Nguyễn Thị P phải giao lại cho bà Võ Thị Thanh L 7.023.125 đồng giá trị chênh lệch di sản thừa kế được chia.

3.2 Bà Võ Thị Thanh L được quyền sử dụng 180,49m² đất còn lại (trong đó có 140,4m² đất ở, 40,09m² đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 22, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 006453, sổ vào sổ cấp GCN 02479 ngày 20/6/2011, tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, có vị trí: Phần A của thửa đất, được sở hữu toàn bộ phần vật liệu xây dựng trên đất kể cả vách tường có vị trí: Từ điểm 1 thẳng đến điểm 8 có kích thước 7,88m; từ điểm 8 thẳng đến điểm 7 có kích thước 0,28m; từ điểm 7 thẳng đến điểm 6 có kích thước 5,32m, theo sơ đồ bản vẽ ngày 15/4/2021 của Công ty cổ phần tư vấn Đạt P (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) và bà Võ Thị Thanh L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị P 231.367.875 đồng (trong đó có 221.666.075 đồng giá trị kỷ phần thừa kế được chia và 9.710.800 đồng công sức đóng góp xây dựng nhà quán).

3.3 Bà Nguyễn Thị P được nhận 231.367.875 đồng (trong đó có 221.666.075 đồng giá trị kỷ phần thừa kế được chia và 9.710.800 đồng công sức đóng góp xây dựng nhà quán) do bà Võ Thị Thanh L có nghĩa vụ thanh toán cho bà P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh L kháng cáo với nội dung:

- Yêu cầu cấp phúc thẩm chia lại phần đất đã chia cho bà P vì chia phần đất phía trước là phần quán tôi đang làm ăn. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm giao phần quán tôi bỏ tiền xây dựng mà không tính bồi thường chi phí lại cho tôi (phần B chia cho bà P từ 1, 2, 4, 8 do tôi bỏ tiền xây dựng không đền bù cho tôi). Chia đất phải chia đều từ trước ra sau, Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà P phía trước, vuông vắn, phần đất còn lại phía sau lại xéo ai nhận.

- Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1955 là người cao tuổi được miễn phần án phí dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà Võ Thị Thanh L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia lại phần đất đã chia cho bà Nguyễn Thị P vì phần đất đã chia cho bà P là phần đất phía trước có phần quán của bà L nhưng không được đền bù. Bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi nhưng không được miễn án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn và một số người liên quan vắng mặt. Các đương sự có mặt cũng như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự. Xét các đương sự vắng mặt không có kháng cáo và đều có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về phần nội dung: Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh L thì thấy:

2.1 - Về phần đất bà Nguyễn Thị P được chia: Bản án sơ thẩm chia cho bà Nguyễn Thị P được quyền sử dụng 59,6m² đất ở thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 22 tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là có căn cứ, hợp tình hợp lý.

2.2 - Bà Võ Thị Thanh L yêu cầu bồi thường phần quán đã chia cho bà Nguyễn Thị P: Tại biên bản hòa giải ngày 25.10.2019 và ngày 08.11.2019, bà Võ Thị Thanh L đều trình bày: Năm 2011 mẹ tôi (bà P) và hai dì của tôi bà A, bà P góp 20.000.000đ để xây quán cho tôi kinh doanh. Như vậy, phần quán nằm trên phần đất được giao cho bà P không phải là tài sản do bà L xây dựng.

2.3 - Đối với yêu cầu của bà Võ Thị Thanh L về việc bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi nên xin được miễn án phí. Nhưng xét, quá trình tham gia tố tụng bà P không ủy quyền cho bà L và bà P không có đơn kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không xét.

[3] Từ những chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy, nội dung kháng cáo của bà Võ Thị Thanh L không có cơ sở nên không chấp nhận.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 34, 37, 38, khoản 2 Điều 71, các Điều 147, 157, 165, 244 BLTTDS; Các Điều 612, 613, 618, 623, 649, 650, 651, 660 BLDS; Khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

T xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Chia cho bà Nguyễn Thị P được quyền sử dụng 59,6m² đất ở thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 22, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 006453, số vào sổ cấp GCN CH02479 ngày 20-6-2011, tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định có vị trí: Phần B của thửa đất, có giới cận: Từ điểm 1 thẳng đến điểm 2 có kích thước 4,33m; từ điểm 2 thẳng đến điểm 3 có kích thước 5,42m; từ điểm 3 thẳng đến điểm 4 có kích thước 1,75m; từ điểm 4 thẳng đến điểm 5 có kích thước 5,32m; từ điểm 5 thẳng đến điểm 6 có kích thước 5,03m; từ điểm 6 thẳng đến điểm 7 có kích thước 5,32m; từ điểm 7 thẳng đến điểm 8 có kích thước 0,28m; từ điểm 8 thẳng đến điểm 1 có kích thước 7,88m; được sở hữu phần vật liệu xây dựng trong phạm vi giới cận nói trên, trừ vách tường phía tây phần đất, có vị trí: Từ điểm 1 thẳng đến điểm 8; từ điểm 8 thẳng đến điểm 7; từ điểm 7 thẳng đến điểm 6 theo sơ đồ bản vẽ ngày 15.4.2021 của Công ty cổ phần tư vấn Đạt P(có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm) và bà Nguyễn Thị P phải giao lại cho bà Võ Thị Thanh L 7.023.125 đồng giá trị chênh

lệch di sản thừa kế được chia.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Thanh L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000đ bà L đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000079 ngày 24.11.2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng (theo Đ/c)
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm